

Số: 2224 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê
Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một
số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày
12 tháng 11 năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai
đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Công văn số 1079/TCTK-VTKE ngày 27 tháng 7 năm 2022 của
Tổng cục Thống kê về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển
Thống kê giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và xây dựng Kế hoạch
thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm
2045 của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh tại Tờ trình số 391/TTr-CTK
ngày 29 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung công việc được phân công tại Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030,

tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Cục Thống kê tỉnh để tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành:

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Tổng cục Thống kê;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Kèm theo Quyết định số: 2224 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111					
1.1.1.1	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của	01111					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	Luật Thống kê						
1.1.1.1.1	Xây dựng Quyết định về việc thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê	011111	UBND cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Quyết định về việc thu thập hệ thống chỉ tiêu thống kê
1.1.1.1.2	Tập huấn hướng dẫn nội dung sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	011112	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022	Các lớp tập huấn
1.2	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	012					
1.2.1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại sở, ban, ngành và địa phương	0121					
1.2.1.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã,	01211	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã,		Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	phường, thị trấn			phường, thị trấn			
1.2.1.2	Xây dựng kế hoạch đào tạo cho người làm công tác thống kê tại các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn	01212	UBND cấp tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo hàng năm
1.2.1.3	Tổ chức các lớp đào tạo theo quy định	01213	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn		Hàng năm	Số lớp học, số học viên tham dự
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.1	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	021					
2.1.1	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0211					
2.1.1.1	Tổ chức các lớp tập huấn	02111	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị		2025	Số lớp học, số học viên tham dự

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
				xã, thành phố			
2.1.1.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng tiêu chuẩn thống kê đã được ban hành	02112	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025	2030	Các tiêu chuẩn thống kê
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	022					
2.2.1	Tổ chức các lớp tập huấn	0221	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2024	Số lớp học, số học viên tham dự
2.2.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0222	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công	0311					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê						
3.1.1.1	Đa dạng hóa các hình thức thu thập thông tin thống kê: Phiếu điện tử trực tuyến (Webform), Phiếu điện tử trên thiết bị di động (CAPI)	03111	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Phiếu điện tử trực tuyến (Webform), Phiếu điện tử trên thiết bị di động (CAPI)
3.1.1.2	Ứng dụng các phần mềm trực tuyến để xử lý tổng hợp số liệu Thống kê	03112	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Các phần phần mềm xử lý số liệu
3.1.1.3	Xây dựng phần mềm kết nối các Sở ngành để thu thập báo cáo Thống kê	03113	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Phần mềm kết nối các Sở ngành
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật quy chế kết nối, chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các sở, ngành	03121	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Các quy chế
3.1.2.2	Tích hợp dữ liệu theo chuẩn mực của cơ quan thống kê trung ương để chuyển đổi dữ liệu hành chính cho mục đích thống kê	03122	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Dữ liệu

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.3	Nghiên cứu áp dụng các khoa học dữ liệu trong khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính trong biên soạn thông tin thống kê.	03123	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Thông tin thống kê
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra
3.1.3.3	Ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2025	2030	- Báo cáo kết quả nghiên cứu; - Số các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động	0314					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	thống kê						
3.1.4.1	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03141	Cục Thống kê tỉnh	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2023	2030	- Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê; -Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	041					
4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0411					
4.1.1.1	Lựa chọn cơ sở dữ liệu vi mô phù hợp với mục đích phân tích và dự báo	04111	Cục Thống kê tỉnh	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Số liệu đầu vào
4.1.1.2	Xây dựng đề cương chuyên đề phân tích dự báo theo phương pháp lựa chọn, áp dụng mô hình, phương pháp phân tích đã nghiên cứu vào	04112	Cục Thống kê tỉnh	Tổng cục Thống kê	2022	2030	- Đề cương chuyên đề phân tích dự báo; - Các mô hình và phương pháp phân tích mới

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	chuyên đề đã xác định						
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	042					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0421					
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được ban hành	04211	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
4.2.1.2	Tăng cường biên soạn các chỉ tiêu kinh tế số, logistic trong các báo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm	04212	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành			Các chỉ tiêu mới trong các báo cáo
4.2.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0422					
4.2.2.1	Xây dựng và chuẩn hóa market các lĩnh vực kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin đầu vào nhằm điện tử hóa market	04221	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông	043					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	tin thống kê						
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0431					
4.3.1.1	Sử dụng mạng xã hội, đài báo, tạp chí trang web ngành để phổ biến thông tin	04311	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Đa dạng hóa các hình thức phổ biến
4.3.1.2	Bổ sung thêm thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm để đa dạng nội dung phổ biến thông tin thống kê	04312	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2022	2030	Đa dạng hóa các thông tin phổ biến
5	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	05					
5.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	051					
5.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0511	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành		Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt; - Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt.
5.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác	0512	Cục	Các sở, ban,		Hàng	Kinh phí thực hiện

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước		Thông kê tỉnh	ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		năm	CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
5.2	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	052					
5.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0521	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2024	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
5.2.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	522	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
5.3	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	053					
5.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0531	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành	2024	2030	- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
5.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án	0532	Cục	Các sở, ban,	2024	2030	Phương tiện và trang thiết

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	tăng cường năng lực thống kê quốc gia		Thống kê tỉnh	ngành			bị làm việc được tăng cường
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30						
6	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	06					
6.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	061					
6.1.1	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0611	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
6.1.2	Kiện toàn nhân sự Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0612	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành		2027	Nhân sự Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
6.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	062					
6.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	0621	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành		Tháng 8/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
			tỉnh				phương được ban hành
6.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	0621	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương được cập nhật
6.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	063					
6.3.1	Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì	0631	UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022	01 hội nghị do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì
7	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	07					
7.1	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	071					
7.1.1	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	0711	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
7.2	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	072					
7.2.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	0721	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị		Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
				xã, thành phố			
7.2.2	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	0722	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của địa phương
7.2.3	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	0'723	Cục Thống kê tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của địa phương